

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

2. Bà Hoàng Vạn Sinh

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19-6-2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11-9-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H J Mlô, sinh năm 1984

Địa chỉ: Buôn K A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Y T Niê, sinh năm 1980

Địa chỉ: Buôn K A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09-6-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H J Mlô trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 13/7/2004, tôi và ông Y T Niê kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong thời gian đầu chung sống chúng tôi sống rất hạnh phúc, vợ chồng chăm

lo làm ăn cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, thời gian 4 năm gần đây ông Y T thường xuyên uống rượu, say xỉn về nhà chửi bới tôi, không lo làm ăn. Nhiều lần vì nghĩ cho con cái, tình cảm vợ chồng đã gắn kết nhiều năm nên tôi chịu đựng, bỏ qua, khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Y T vẫn chứng nào tật nấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên trong 4 năm trở lại đây chúng tôi đã sống ly thân.

Trước tình trạng mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng căng thẳng, rạn nứt tình cảm vợ chồng, hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Y T Niê.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có hai con chung tên Y N Mlô, sinh ngày 16/4/2008 và Y T Mlô, sinh ngày 22/8/2012. Hiện nay hai cháu đang sống cùng với tôi. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Y T Niê mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 09-6-2020 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 18-6-2020 Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, cùng ngày 18-6-2020 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Y T Niê đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có mặt để làm việc cũng như trình bày ý kiến của mình. Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Y T Niê vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Y T Niê là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Y T Niê và bà H J Mlô là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống bà H J xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Y T Niê thường xuyên uống rượu, say xỉn, không lo làm ăn, hay chửi bới bà H J, mặc dù bà H J đã nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm nhưng anh Y T Niê vẫn chứng nào tật nấy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông Y T và bà H J đã sống ly thân 4 năm.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì vợ chồng ông Y T Niê và bà H J Mlô sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Y T thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình, không chung thủy trong hôn nhân, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nội bộ hai bên gia đình cũng đã hòa giải và giải quyết việc ly hôn giữa ông Y T và bà H J theo phong tục tập quán và hiện nay đã sống ly thân. Xét thấy vợ chồng ông Y T và bà H J có mâu thuẫn nên chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Y T và bà H J đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà H J Mlô ly hôn với ông Y T Niê là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Y T Niê và bà H J Mlô có 02 con chung tên Y N Mlô, sinh ngày 16/4/2008 và Y T Mlô, sinh ngày 22/8/2012.

Quá trình giải quyết vụ án bà H J Mlô có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Hai cháu Y N Mlô và Y T Mlô cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ và hiện nay ông Y T Niê không lưu trú

rõ ràng. Do đó, HĐXX nhận thấy giao cho bà H J Mlô trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Y N Mlô, sinh ngày 16/4/2008 và Y T Mlô, sinh ngày 22/8/2012 đến tuổi thành niên là đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý của các cháu; ông Y T Mlô có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H J Mlô không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về chia tài sản chung và công nợ chung: Bà H J Mlô không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà H J Mlô phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0009644 ngày 18-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Bị đơn ông Y T Mlô không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H J Mlô

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà H Jot Mlô được ly hôn với ông Y T Niê

2. **Về con chung:** Giao hai con chung tên Y N Mlô, sinh ngày 16/4/2008 và Y T Mlô, sinh ngày 22/8/2012 cho bà H J Mlô trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên;

Ông Y T Niê có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Bà H J Mlô không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. **Về tài sản chung và công nợ chung:** Bà H J Mlô không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. **Về án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà H J Mlô phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0009644 ngày 18-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Bị đơn ông Y T Niê không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND xã P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Kim Chung